



BIẾN ĐỔI SINH KẾ CỦA NGƯỜI M'NÔNG Ở HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK DƯỚI TÁC ĐỘNG THỦY ĐIỆN BUÔN TUA SRAH

Phạm Trọng Lượng

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Xây dựng các nhà máy thủy điện là một trong những giải pháp hữu hiệu nhằm đảm bảo năng lượng cho phát triển đất nước. Do đặc thù địa hình, các nhà máy thủy điện thường được xây dựng ở khu vực miền núi nơi thượng nguồn sông, cũng là địa bàn các dân tộc thiểu số sinh sống. Trong những năm gần đây, tác động của thủy điện đối với đời sống của người dân tộc thiểu số luôn là nguồn gốc của cuộc tranh luận giữa các nhà kinh tế, nhà môi trường, nhà đầu tư, nhà nhân học và cả cộng đồng bị ảnh hưởng và khó có thể đi đến hồi kết. Thủy điện Buôn Tua Srah được xây dựng trên sông Krông Knô, xã Nam Ka, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Việc xây dựng công trình thủy điện này đã tác động không nhỏ đến sinh kế của người M'Nông và đặt sinh kế của người M'Nông trước nhiều thách thức. Qua quá trình khảo sát ở cộng đồng người M'Nông tại huyện Lắk, tác giả chỉ ra những tác động của thủy điện đưa đến sự biến đổi trong sinh kế của họ.

Từ khóa: thủy điện, Buôn Tua Srah, tác động, sinh kế, huyện Lắk

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong những quốc gia Đông Nam Á có lợi thế thủy năng nên trong nhiều thập niên gần đây, thủy điện luôn được xem là lợi thế phát triển. Ngoài việc được xem là giải pháp hữu hiệu đảm bảo nhu cầu năng lượng, đập thủy điện còn được sử dụng để trữ nước, ngăn lũ, điều tiết nguồn nước cho hạ lưu phục vụ sản xuất. Tuy nhiên, mặt trái hiện hữu là thủy điện đã và đang gây ra những tác động nghiêm trọng đến môi trường và dân sinh trong khu vực thực thi dự án. Theo đó, nhiều nguy cơ mang đến cho cộng đồng địa phương như tình trạng mất đất, thất nghiệp, mất an ninh lương thực, gia tăng bệnh tật, mất quyền khai thác các nguồn tài nguyên chung, chia cắt cộng đồng...

Ngoài ra, việc xây dựng các công trình thủy điện trên địa bàn miền núi, nơi cư trú của các dân tộc thiểu số thường mang lại những hệ lụy vấn đề di dân tái định cư không tự nguyện tạo nên những tác động không như mong đợi đến môi trường, làm phức tạp đến nhiều vấn đề khác về kinh tế, xã hội, văn hóa của các cộng đồng dân cư.

Thủy điện Buôn Tua Srah được xây dựng trên sông Krông Knô – nhánh chính của sông

*Liên hệ: ptluong@ttn.edu.vn

Nhận bài: 16-07-2018; Hoàn thành phản biện: 13-09-2018; Ngày nhận đăng: 24-09-2018

Srêpôk thuộc địa phận xã Nam Ka, huyện Lăk, tỉnh Đắk Lắk; khu vực này là nơi sinh sống lâu đời của người M'ông. Theo thiết kế và đánh giá của dự án, thủy điện Buôn Tua Srah sẽ cung cấp điện một phần cho lưới điện quốc gia, tạo sự thay đổi về cơ sở hạ tầng, tạo nguồn nước tưới vào mùa khô và hạn chế lũ, tạo cảnh quan môi trường, phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản và tạo sự thay đổi và phát triển sinh kế ổn định cho người M'ông. Tuy nhiên, dưới sự tác động của thủy điện Buôn Tua Srah, sinh kế của người M'ông hiện có nhiều biến đổi và đang đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Qua quá trình khảo sát, tác giả tập trung tìm hiểu một số vấn đề liên quan đến biến đổi sinh kế của người M'ông do sự tác động thủy điện như những biến đổi trong sản xuất kinh tế (săn bắt, hái lượm, trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề thủ công, trao đổi, buôn bán...), đồng thời đặt ra những vấn đề mà người M'ông đang phải đối mặt hiện nay.

2. Khái niệm sinh kế, di dân, tái định cư, biến đổi

Nghiên cứu sinh kế (livelihood) bắt nguồn từ những nghiên cứu và giải quyết vấn đề dân di tị nạn châu Phi từ những năm 60 của thế kỷ XX. Khái niệm sinh kế có liên quan với nhiều nội hàm khác về kinh tế, như hoạt động kinh tế, hoạt động mưu sinh, tìm kiếm thu nhập, hoạt động sản xuất...

Năm 1983, Chambers và Robert trong công trình "*Rural development: Putting the last first*"¹ chính thức sử dụng khái niệm sinh kế [2, Tr. 37–38]. Từ đó đến nay các nhà khoa học và các cơ quan phát triển đã tiếp nhận khái niệm sinh kế và cố gắng đưa vào thực thi.

Hiện nay, có nhiều cách tiếp cận và định nghĩa về sinh kế, nhưng khái niệm của DFID được sử dụng khá phổ biến: "*Một sinh kế có thể được miêu tả như là sự tập hợp các nguồn lực và khả năng con người có được kết hợp với những quyết định và hoạt động mà họ thực thi nhằm để kiếm sống cũng như để đạt được các mục tiêu và ước nguyện của họ*" [1].

Trong nghiên cứu này, sinh kế của người M'ông được hiểu là các hoạt động kinh tế, hay các phương thức sản xuất mà họ thực hiện nhằm đảm bảo nhu cầu cuộc sống của mình. Các hoạt động kinh tế này hình thành trong lịch sử tộc người dưới sự tác động của nhiều yếu tố như môi trường, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên... nơi mà cộng đồng sinh sống.

Di dân (migration) là sự di chuyển dân cư, tự nguyện hay bị tác động, từ một đơn vị lãnh thổ đến một đơn vị lãnh thổ khác, từ địa bàn cư trú này sang địa bàn cư trú khác nhằm thiết lập nơi cư trú mới trong một khoảng thời gian nhất định.

Tái định cư (resettlement) được hiểu là hai quá trình *di chuyển* và *hoà nhập*. Tái định cư là quá trình thay đổi chỗ ở, nơi sinh sống, còn phục hồi là việc hòa nhập vào cộng đồng tại nơi ở

¹Chambers & Robert, 1983, "*Rural development: Putting the last first*", Longman Scientific & Technical, co-published in the United States with John Wiley & Sons, Inc, New York, pp. 37–38.

mới. Đây là hai quá trình liên quan chặt chẽ với nhau, tạo ra một quá trình liên tục, kết nối, và không nhất thiết được coi là hai “giai đoạn” bởi vì đôi lúc để thành công, quá trình ổn định đời sống có thể diễn ra trước khi quá trình di chuyển nơi ở xảy ra.

Trong Từ điển Tiếng Việt, biến đổi được định nghĩa: “là thay đổi thành khác trước, quang cảnh biến đổi, những biến đổi sâu sắc trong xã hội”².

Biến đổi (change) được hiểu là quá trình vận động, phát triển của tất cả các xã hội. Nhìn ở khía cạnh lịch sử, mọi xã hội, mọi lĩnh vực đều đang diễn ra quá trình biến đổi, đan xen những sự tiếp nối và biến đổi.

3. Người M’ông ở huyện Lắk và công trình thủy điện Buôn Tua Srah

3.1. Người M’ông ở huyện Lắk: đôi nét khái quát

M’ông hay Mnong (người Campuchia gọi là Pnong, Peonong) chỉ một tộc người được hợp thành từ một bộ lạc rất lớn trên vùng đất Tây Nguyên. M’ông là một trong những tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Mon – Khmer Nam. Khu vực cư trú chủ yếu tại các huyện Lắk và Krông Bông thuộc tỉnh Đắk Lắk, các huyện Krông Knô, Đắk Mil, Đắk Rlấp và Đắk Song thuộc tỉnh Đắk Nông. Một phần sống tại các huyện Phước Long và Bù Đăng thuộc tỉnh Bình Phước, và một số nhỏ ở rải rác tại các huyện phía Tây tỉnh Lâm Đồng như Cát Tiên, Bảo Lộc, Lâm Hà và Lạc Dương. Ngoài ra, người ta còn thấy các nhóm M’ông cư trú bên kia biên giới Việt Nam – trên địa bàn tỉnh Monduliri, Campuchia. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người M’ông ở Việt Nam có dân số 102.741 người, đứng vị trí thứ 7 trong các tộc người thiểu số Tây Nguyên và ở vị trí thứ 20 trong công đồng 54 dân tộc Việt Nam.

Dân tộc M’ông có nhiều nhóm địa phương khác nhau. Các nhóm nằm trong địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông có thể chia ra làm hai bộ phận. Bộ phận ở phía Bắc huyện Krông Nô gồm các nhóm Gar, Kuênh, Rlâm, Bu Dâng và Chil. Bộ phận ở phía Nam huyện Krông Nô gồm các nhóm Nong, Preh, Prâng và Bu Nor. Họ là những tộc người tại chỗ đầu tiên khai phá vùng đất Tây Nguyên hùng vĩ và xây dựng, đặt dấu ấn văn hóa trên vùng đất này.

Lắk là huyện nghèo có lịch sử hình thành gần 100 năm, là nơi dân tộc tại chỗ M’ông và Ê đê sinh sống quần cư lâu đời và lập nên những buôn làng đầu tiên của vùng đất cao nguyên. Hiện nay, huyện Lắk có 22 dân tộc cùng chung sống với dân số 70.425 người, mật độ dân số trung bình hơn 55 người/km², trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 44.525 người chiếm hơn 64,58% dân số toàn huyện.

²Hoàng Phê (Chủ biên, 2004), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Tp. Đà Nẵng, Tr.56.

Lắk được xem là vùng đất gắn với nguồn gốc của hai nhóm M'ông Gar và M'ông Rlâm. Hiện nay người M'ông có 8.217 hộ với 35.909 nhân khẩu chiếm hơn 50% dân số huyện Lắk.

M'ông là một dân tộc hiền hòa, chất phác, chịu thương chịu khó trong lao động sản xuất, có văn hóa đặc sắc với nhiều phong tục tập quán, lễ nghi, lễ hội...

3.2. Nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah

Đắk Lắk là một tỉnh ở trung tâm Tây Nguyên có tiềm năng thủy điện lớn. Hiện nay, Đắk Lắk có 8 nhà máy thủy điện lớn, nhỏ đã được xây dựng và khai thác. Việc xây dựng hệ thống các nhà máy thủy điện đã tác động sâu sắc đến sinh kế của công đồng người dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh.

Thủy điện Buôn Tua Srah được xây dựng trên sông Krông Knô – nhánh chính của sông Srêpôk thuộc địa phận xã Nam Ka, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Nhà máy thủy điện được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1229/CP-CN ngày 30/8/2004; Tập đoàn Điện lực Việt Nam phê duyệt Báo cáo nghiên cứu kỹ thuật tại Quyết định số 321/QĐ-EVN-HĐQT ngày 07/9/2004. Công trình được xây dựng từ năm 2004 đến năm 2011 khánh thành.

Số thứ tự	Tên nhà máy	Công suất
1	Buôn Tua Srah	86 MW
2	Buôn Kuốp	280 MW
3	Đray H'Linh 1	12 MW
4	Đray H'Linh 2	16 MW
5	Sêrêpôk 3	220 MW
6	Sêrêpôk 4	80 MW
7	Sêrêpôk 4A	64 MW
8	Đức Xuyên	58 MW
Tổng		816 MW

Các mốc xây dựng chính:

- Khởi công xây dựng: Ngày 25/11/2004;
- Ngăn sông Krông Knô: Ngày 25/01/2006;
- Tích nước hồ chứa: 11/7/2009;
- Phát điện thương mại tổ máy số 1: 07/9/2009;
- Hoàn thành thi công xây dựng: 7/7/2011.

Công trình có nhiệm vụ chính sau:

- Cung cấp cho hệ thống điện quốc gia với công suất lắp máy 86 MW;
- Tạo nguồn nước tưới vào mùa khô và hạn chế lũ cho vùng hạ du;

- Tạo cảnh quan môi trường, phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản...;
- Điều tiết khí hậu khu vực, làm giảm mức độ khắc nghiệt thời tiết;
- Tạo sự thay đổi về cơ sở hạ tầng.

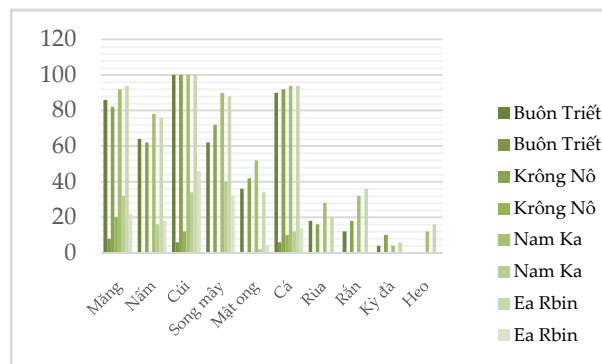
4. Biến đổi sinh kế của người M'Nông dưới tác động của thủy điện Buôn Tua Srah

4.1. Biến đổi trong săn bắt, hái lượm

Nói tới huyện Lắk là nói tới rừng. Tổng diện tích rừng là 81.399,62 ha (rừng tự nhiên 77.682,19 ha, rừng trồng 3.114,73 ha, rừng ngoài quy hoạch là 602,70 ha). Hiện nay, dù suy giảm nhiều do nhường đất cho thủy điện, nhưng tỷ lệ che phủ của rừng vẫn đạt 65%. Ngoài ra, Lắk có Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, rừng đặc dụng Nam Ka, hệ sinh thái Hồ Lắk lớn nhất nước với hệ động thực vật phong phú, quý hiếm và có giá trị cao.

Trước đây, người M'Nông huyện Lắk được gọi là “người ăn rừng” (Condominas, *Chúng tôi ăn rừng*), có thể nói rừng là môi trường sống gần gũi và thân thiết của dân tộc này. Đặc biệt, trong hoạt động sinh kế của người M'Nông thì rừng lại càng đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết trong hoạt động săn bắt và hái lượm. Theo Condominas, cuộc sống của người M'Nông Gar là tất cả những gì được lấy ra từ rừng, không dư thừa và cũng không thiếu thốn.

Việc xây dựng thủy điện Buôn Tua Srah đã lấy đi một phần không nhỏ diện tích rừng và môi trường sinh thái rừng huyện Lắk. Hồ thủy điện Buôn Tua Srah đã nhấn chìm nhiều cánh rừng tự nhiên với sự đa dạng sinh học cao. Ngoài diện tích rừng bị thu hẹp, việc ngăn sông Krông Nô đã làm thay đổi hệ sinh thái thủy sinh và có tác động không nhỏ đến loại hình sinh kế săn bắt, hái lượm của người M'Nông.



Biểu đồ 1. Tình hình khai thác lâm sản ngoài gỗ, khai thác thủy sản ở sông suối năm 2004 và năm 2018

Theo kết quả khảo sát (Biểu đồ 1) so với trước khi xây dựng thủy điện năm 2004, khai thác các sản phẩm từ rừng, sông suối... đóng vai trò rất lớn trong đời sống của người M'Nông.

Từ khi xây dựng thủy điện đến nay, việc săn bắt hái lượm ngày càng suy giảm. Trong 4 xã được khảo sát thì xã Nam Ka và xã Ea Rbin có một số gia đình còn khai thác sản phẩm từ rừng, sông suối do gần lõi rừng đặc dụng Nam Ka, ở các xã còn lại như Krông Nô và Buôn Triết hoạt động săn bắt hái lượm gần như không còn tồn tại.

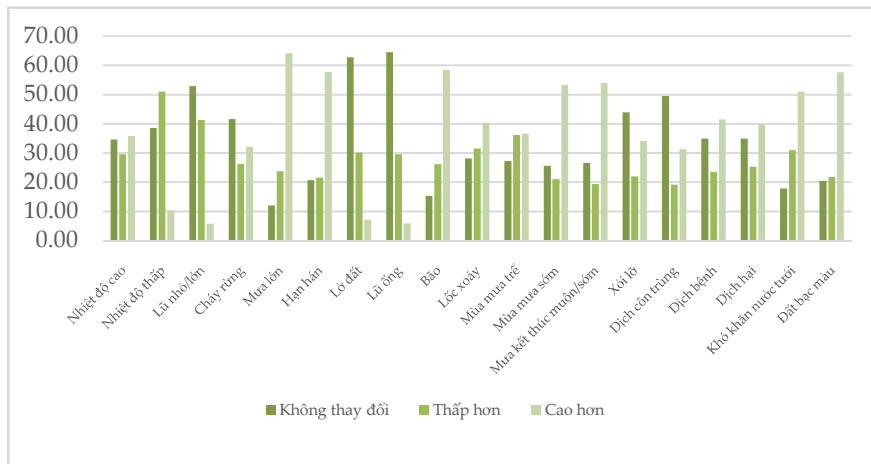
Theo chúng tôi, thủy điện Buôn Tua Srah đã có những tác động trực tiếp đến hoạt động săn bắt và hái lượm của người M' nông ở các phương diện sau:

- Trực tiếp làm thu hẹp rừng tự nhiên;
- Làm cho hệ sinh thái rừng và sông suối thay đổi;
- Làm môi trường, khí hậu biến đổi và diễn biến ngày càng phức tạp.

4.2. Biến đổi về trồng trọt

Dưới sự tác động của thủy điện Buôn Tua Srah, các hoạt động trồng trọt chuyển từ canh tác truyền thống dựa vào rừng, khai thác các nguồn lợi tự nhiên sang trồng lúa, ngô, cây công nghiệp... Người M' nông hiện nay biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bước đầu tham gia vào nông nghiệp thị trường và những dạng hoạt động phi nông nghiệp.

Diện tích đất tự nhiên, diện tích rừng bị thu hẹp bởi việc xây dựng thủy điện. Một mặt, sự cố gắng tự thân của họ trong nỗ lực chuyển đổi sinh kế, mặt khác sự hướng dẫn của cán bộ khuyến nông về giống và khoa học kỹ thuật đã góp phần làm thay đổi diện mạo trồng trọt của đồng bào. Phương thức canh tác được đổi mới; giống mới, kỹ thuật và phương tiện máy móc được áp dụng góp phần làm thay đổi diện mạo đời sống sản xuất của người M' nông.



Biểu đồ 2. Mỗi nguy trong 10 năm từ khi xây dựng thủy điện Buôn Tua Srah

Ngoài ra, những nỗ lực cố gắng của chính quyền địa phương trong việc tìm kiếm giải pháp đã giúp người M'ông thay đổi cơ cấu cây trồng và tìm kiếm mở rộng đất đai sản xuất đảm bảo cuộc sống tại những khu vực trên.

Tuy nhiên, trong đời sống và sản xuất, họ vẫn phải đối mặt với nhiều nguy cơ mới nảy sinh từ khi xây dựng nhà máy thủy điện.

Qua biểu đồ 2, chúng ta thấy các mối nguy xuất hiện với tần suất cao hơn so với trước khi xây dựng thủy điện là: đất bạc màu, khó khăn về nước tưới, mùa mưa đến sớm nhưng kết thúc muộn, bão – gió lớn, hạn hán...

Như vậy, việc xây dựng thủy điện Buôn Tua Srah, ngoài việc làm mất quỹ đất tự nhiên, mất rừng, mất đất sản xuất... còn làm xuất hiện và gia tăng một số mối nguy và có tác động lớn đến trồng trọt và sinh kế của đồng bào M'ông trong những năm qua.

4.3. Biến đổi trong chăn nuôi

Diện tích đất và rừng tự nhiên bị thu hẹp, hệ thống sông suối bị thay đổi dòng chảy khiến hệ thủy sinh cũng biến đổi theo. Nguồn lợi thủy sản nhằm đảm bảo cuộc sống vốn có từ truyền thống mất đi, khiến chăn nuôi trở thành cứu cánh giúp nâng cao thu nhập trong bối cảnh biến đổi môi trường, khí hậu, đất đai... đối với người M'ông hiện nay.

Trước khi xây dựng thủy điện, tập quán chăn nuôi của người M'ông khá lạc hậu, manh mún, theo hình thức thả rông, không quan tâm đến vấn đề phòng chống dịch bệnh đã gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Tuy nhiên, hiện nay người M'ông đã có những thay đổi tích cực xuất phát từ yêu cầu tìm kiếm các sinh kế phù hợp với sự biến đổi do nhà máy thủy điện tác động. Chăn nuôi chuồng trại đã xuất hiện bên cạnh hình thức thả rông. Trong cộng đồng người M'ông ở huyện Lắk đã xuất hiện một số hộ gia đình chăn nuôi có quy mô khá lớn. Mục đích chăn nuôi có sự chuyển đổi từ chỗ chăn nuôi để lấy sức kéo, hoặc hiến sinh sang chăn nuôi hàng hóa.

Đối với gia súc và gia cầm, người M'ông nuôi khá nhiều loại và mang tính công nghiệp như trâu, bò, lợn, gà, vịt. Chuồng trại được làm cao ráo, thoáng mát, sử dụng cám công nghiệp kết hợp với bắp, sắn, đậu nành trộn men vi sinh làm thức ăn. Thời gian nuôi được rút ngắn, kỹ thuật có bước cải tiến. Kinh tế chăn nuôi bước đầu đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ gia đình.

Mặt khác, chăn nuôi organic (chăn nuôi hữu cơ) đang được các gia đình người M'ông chú ý phát triển. Đây là phương pháp chăn nuôi hoàn toàn sử dụng những nguyên liệu thức ăn hữu cơ, bao gồm cám gạo, ngô, đậu tương... và không sử dụng bất cứ chế phẩm công nghiệp nào. Phương pháp này rất phù hợp với thói quen chăn nuôi của đồng bào. Rõ ràng so với tập

quán cổ truyền, tư duy và cách thức chăn nuôi hiện nay của người M'ông đã có sự thay đổi đáng kể.

Hiện nay, chăn nuôi là hoạt động kinh tế mang lại thu nhập chính cho đồng bào. So với trước khi xây dựng thủy điện Buôn Tua Srah, hoạt động chăn nuôi đã có bước phát triển vượt bậc, dần thay thế tập quán chăn nuôi cổ truyền. Người M'ông hiện nay đang dần biến ngành chăn nuôi thành ngành kinh tế chủ lực góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

4.4. *Biến đổi trong nghề thủ công*

Trước đây, nghề thủ công đem lại nhiều lợi ích cho đồng bào. Họ tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có, tranh thủ thời gian nhàn rỗi, gia tăng thu nhập cho gia đình. Tuy nhiên, trong những năm gần đây nghề thủ công của đồng bào bị mai một nhiều. Nguyên nhân là do quá trình xây dựng thủy điện rừng bị mất, vùng nguyên liệu bị thu hẹp và hiếm; di dân tái định cư làm cấu trúc buôn làng bị thay đổi...; các sản phẩm công nghiệp tràn ngập thị trường, sự giao lưu tiếp xúc giữa các cộng đồng đã giúp người M'ông có điều kiện tiếp cận cái mới, có cơ hội chọn lựa cái phù hợp cho mình... chính vì vậy trang phục, các vật dụng đan lát... là sản phẩm của các ngành nghề truyền thống không còn được ưa chuộng như trước đây.

Trong những năm qua, chính quyền và một số tổ chức đã nỗ lực mở nhiều lớp tập huấn, dạy nghề truyền thống, nhưng nhìn chung cơ hội "hồi sinh" là không nhiều. Một số ít gia đình người M'ông còn làm nghề dệt thổ cẩm do có sự kết hợp phục vụ du lịch, bán sản phẩm lưu niệm cho du khách. Các nghề thủ công còn lại đang đứng trước nguy cơ biến mất.

4.5. *Biến đổi trong trao đổi và buôn bán*

Trước đây, do chi phối của kinh tế nguyên thủy cùng những yêu cầu thiết yếu của cuộc sống, ở cộng đồng M'ông chỉ diễn ra hình thức trao đổi hàng hóa. Tuy nhiên, việc trao đổi hàng hóa không phải chỉ đơn giản là hình thức vật đổi vật mà phụ thuộc vào giá trị để trao đổi. Ngày nay kinh tế thị trường phát triển, hoạt động buôn bán của đồng bào đã có sự biến đổi. Việc đi chợ với người M'ông hiện nay không chỉ để buôn bán, trao đổi hàng hóa mà còn để tìm hiểu tin tức, nắm bắt thông tin thị trường, kinh nghiệm sản xuất, học tập kiến thức, tìm hiểu các giống cây trồng và vật nuôi mới.

Ngoài việc trao đổi buôn bán ở chợ hoặc ở các quầy hàng tạp hóa, người M'ông còn đến các đại lý để giao dịch. Hình thức giao dịch tại những địa chỉ này thường là thương thảo mua phân bón, máy nông nghiệp, phương tiện phục vụ gia đình (xe máy, tủ lạnh, ti vi...), và bán các mặt hàng nông sản như cà phê, tiêu, điều, bắp, ca cao... Thông thường, họ sẽ thống nhất giá các loại nông sản, máy móc, phương tiện... với chủ đại lý và ứng trước để sản xuất, tiêu dùng. Khi thu hoạch họ sẽ mang nông sản ra "thanh toán" với đại lý những thứ đã "ứng" trước. Với hình thức "mua bán" này, người M'ông thường chịu nhiều thiệt thòi khi quy trình "mua - ứng"

thường diễn ra với giá rất cao kèm lãi suất, và khi “bán- thanh toán” thường bị đại lý ép giá rẻ. Đó chưa tính đến những rủi ro không thể dự báo như “được mùa mất giá, thiên tai dịch bệnh”.

Nhìn chung, kinh tế trao đổi buôn bán đã có bước phát triển trong cộng đồng M'ông ở khu tái định cư và vùng ảnh hưởng thủy điện Buôn Tua Srah. Tuy nhiên, trong loại hình kinh tế này, theo khảo sát của chúng tôi thì hiện không có một hộ gia đình người M'ông nào làm thương nghiệp – dịch vụ như mờ tạp hóa, đại lý, mà hầu hết đều do người Kinh và một số dân tộc khác nắm giữ.

Như vậy, dưới góc độ kinh tế thì người M'ông đang thiếu một yếu tố quan trọng là “tư duy thương nghiệp – dịch vụ”. Thiếu yếu tố này, các hoạt động sinh kế của họ vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn do thiếu “tự chủ” trong kinh tế thị trường.

5. Những vấn đề đặt ra đối với sinh kế người M'ông hiện nay

Từ khi xây dựng năm 2004 cho đến nay, thủy điện Buôn Tua Srah đã và đang có những tác động trực tiếp và gián tiếp đến sinh kế của người M'ông. Ngoài những biến đổi về sinh kế như chúng tôi đã trình bày ở trên, người M'ông còn phải đối mặt với những vấn đề sau:

i. Những diễn biến ngày một khó lường về thời tiết, khí hậu, môi trường sinh thái... gây ra hạn hán, lũ lụt, giông, lốc... tác động trực tiếp đến sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, khai thác các nguồn lợi tự nhiên... ảnh hưởng đến sinh kế bền vững và chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

ii. Chất lượng tư liệu sản xuất như đất đai, nguồn nước... ngày càng kém. Tại khu tái định cư, việc bố trí đất ở, đất vườn, đất sản xuất ở địa hình núi đá, dốc, lớp đất mặt mỏng, xói mòn và ngày càng bạc màu, xa nguồn nước... đã làm nảy sinh nhiều vấn đề như hạn hán, thiếu nước về mùa khô, lũ lụt về mùa mưa... làm cho sinh kế cộng đồng ngày càng khó khăn.

iii. Trong những năm gần đây, thiên tai thường xuyên xuất hiện với tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng. Hạn hán, mưa lũ diễn ra khá thường xuyên, thậm chí có những hiện tượng mới xuất hiện như giông tố, lốc xoáy, mưa đá. Thiên tai đã làm cho năng suất cà phê, lúa, hoa màu giảm sút, thậm chí không thu được sản phẩm mà còn làm cho khả năng chống chịu sâu bệnh của cây trồng lẫn vật nuôi suy giảm, nguy cơ dịch bệnh gia tăng gây khó khăn cho cộng đồng người M'ông.

iv. Ngoài các rủi ro do thiên nhiên, các loại rủi ro về dịch bệnh ở người, cây trồng và vật nuôi cũng gây tổn thương cho sinh kế của người M'ông. Khả năng chống đỡ dịch bệnh của người M'ông khá thấp do sống xa trung tâm y tế, kiến thức y tế, thú y hạn chế, không có khả năng chi trả cho các dịch vụ y tế lẫn thói quen chữa bệnh theo tri thức bản địa của cộng đồng.

Những vấn đề này làm gia tăng tác động về sinh kế và nguồn vốn con người đối với người M'ông.

v. Biến động của giá cả thị trường và khó khăn trong tiêu thụ làm gia tăng rủi ro đối với hoạt động sản xuất và ảnh hưởng đến việc ổn định phát triển năng lực sinh kế của cộng đồng.

6. Kết luận

Quá trình xây dựng thủy điện Buôn Tua Srah làm biến đổi hệ sinh thái tự nhiên như thu hẹp diện tích rừng, thay đổi dòng chảy của sông suối, hình thành hồ thủy điện Buôn Tua Srah... đã tạo nên những tác động không nhỏ đến thời tiết, khí hậu, môi trường sinh thái. Những biến đổi này đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến vấn đề biến đổi sinh kế của người M'ông.

Đối với trồng trọt, mặc dù có nhiều thay đổi so với trước đây nhưng tình trạng đất bạc màu nhanh do địa hình dốc, lớp đất mặt mỏng, thiếu nước... làm lúa rẫy dần biến mất, các loại cây hoa màu và cây công nghiệp không trồng được tại khu tái định cư. Ở vùng chịu ảnh hưởng thì sản xuất bắp bệnh do không làm chủ được nguồn nước. Mặt khác, những mối nguy về thời tiết khí hậu như hạn hán, lũ lụt, giông tố, lốc... xuất hiện ngày càng nhiều, ảnh hưởng lớn đến sinh kế bền vững của người M'ông.

Chăn nuôi hiện nay là một trong những hoạt động đóng vai trò quan trọng trong sinh kế và bước đầu trở thành hàng hoá. Tuy nhiên, vấn đề nguồn vốn, thiếu nguồn thức ăn tự nhiên, dịch bệnh xuất hiện nhiều... hiện đã và đang là những nguyên nhân chính cản trở việc mở rộng loại hình kinh tế chăn nuôi trong cộng đồng người M'ông ở huyện Lắk.

Các hoạt động phi nông nghiệp đang phát triển một cách khó khăn và chậm chạp. Nghề thủ công đã mai một, ít được duy trì và không có cơ hội để trở thành sản phẩm hàng hoá. Trong điều kiện nguồn tài nguyên rừng bị thu hẹp và ngày càng khan hiếm, hoạt động khai thác các nguồn lợi tự nhiên đã dần mất đi vai trò trong đời sống sinh kế của người dân. Trong bối cảnh đó, một số nguồn thu nhập mới cũng đã xuất hiện như dịch vụ, làm thuê... nhưng chỉ góp phần rất nhỏ trong việc giải quyết lao động dư thừa, cải thiện thu nhập.

Có thể nói rằng, sự vô trách nhiệm của Nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah trong việc hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng trong lúc vẫn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên từ chính vùng đất của người M'ông làm cho sinh kế hiện nay của họ ngày càng khó khăn hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Cơ quan Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID – Department for international development) 1999, *Sustainable Livelihoods Guidance sheets*, <http://www.nssd.net/references/SustLiveli/DFIDapproach.htm#Guidance15>.
2. Chambers và Robert (1983), *“Rural development: Putting the last first”*, Longman Scientific & Technical, co-published in the United States with John Wiley & Sons, Inc., New York.
3. Condominas G. (2003) (Dịch: Trần Lan Anh, Phan Ngọc Hà, Trịnh Thu Hồng, Nguyễn Thu Phương, Hiệu đính: Nguyễn Ngọc), *Chúng tôi ăn rừng*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Cục Thống kê huyện Lắk (2017), *Niên giám thống kê 2017*.
5. Ủy ban nhân dân huyện Lắk, *Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2017, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo QPAN năm 2018, số 379/BC-UBND, ngày 19 tháng 12 năm 2017*.
6. Ủy ban nhân dân huyện Lắk, *Báo cáo kết quả thực hiện chính sách dân tộc từ năm 2014–2017, Báo cáo số 81-BC/UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018*.

CHANGES IN M'NONG PEOPLE'S LIVELIHOOD IN LAK DISTRICT, DAK LAK PROVINCE UNDER THE IMPACT OF BUON TUA SRAH HYDROELECTRIC POWER PLANT

Pham Trong Luong

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. Building hydroelectric power plants is one of the most effective solutions to meet the energy supply of the country. Hydroelectric power plants are often built in mountainous terrains of upriver areas where ethnic minorities live. In recent years, the impact of hydroelectric power plants on the lives of ethnic minorities is always a controversial issue among economists, environmentalists, investors, anthropologists and even in the affected communities. Buon Tua Srah Hydroelectric Power Plant is built on the Krong Kno River in Nam Ka commune, Lak district, Dak Lak province. The construction and operation of the hydroelectric power plant have a considerable impact on the local M'Nong people. The plan has made their livelihoods change considerably and face great challenges. On the basis of the data and information collected from the survey at the M'Nong Community in Lak district, the author identified the impacts of the hydroelectric power plant on the changes in the local people's livelihoods.

Keywords: Buon Tua Srah hydroelectric power plant, impact, livelihoods, Lak district